

# Xu hướng kết hôn ở Việt Nam và khu vực Đông Á: Hai thập niên nhìn lại

Trần Thị Minh Thi\*

**Tóm tắt:** Sử dụng kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ: “Phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và một số vấn đề xã hội đặt ra”, do tác giả là chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì, triển khai trong hai năm 2021-2022, bài viết phân tích xu hướng kết hôn của Việt Nam từ các số liệu thống kê về dân số và hôn nhân của Tổng cục Thống kê, và Bộ Tư pháp trong một thập niên trở lại đây nhằm nhận diện xu hướng biến đổi tình hình kết hôn nói chung của Việt Nam. Đồng thời, bài viết tính toán số lượng, tỷ lệ kết hôn của một số quốc gia, vùng lãnh thổ khu vực Đông Á dựa trên các thống kê về dân số, hôn nhân từ 2001-2021 của Bộ Nội vụ Đài Loan, Tổng cục Thống kê Hàn Quốc, Bộ Sức khỏe, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản, Tổng cục Thống kê Nhật Bản, và Tổng cục Thống kê Trung Quốc nhằm phân tích sự biến đổi xu hướng kết hôn của các quốc gia, vùng lãnh thổ này. Từ kết quả phân tích trên, tác giả nêu lên những đặc thù của xu hướng kết hôn của Việt Nam và những khuyến nghị chính sách phù hợp<sup>1</sup>.

**Từ khóa:** Hôn nhân gia đình; Xu hướng kết hôn; Khu vực Đông Á.

**Phân loại ngành:** Xã hội học

**Ngày nhận bài:** 03/10/2022; ngày chỉnh sửa: 14/10/2022; ngày duyệt đăng: 25/10/2022.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, các quốc gia châu Á cho thấy những thay đổi lớn về đặc điểm hôn nhân và gia đình như sự biến mất của hôn nhân trẻ em và hôn nhân sắp đặt (Jones và Yeung, 2014) hay mức sinh thấp, kết hôn muộn hoặc không kết hôn (Jones, 2010). Trong đó, giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ

\* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp Bộ “Phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và một số vấn đề xã hội đặt ra” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2021-2022.

Đông Á và Đông Nam Á có những đặc thù về đặc điểm hôn nhân và quan hệ họ hàng, cũng như những động lực tác động thay đổi các khuôn mẫu hôn nhân và gia đình, và có những khác biệt nhất định về trình độ phát triển kinh tế-xã hội, được xem xét qua hai chỉ báo chính, là thu nhập bình quân đầu người, và tuổi thọ bình quân. Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 của Nhật Bản là 39.300 USD, của Hàn Quốc là 35.000 USD, của Đài Loan là 33.140 USD, của Trung Quốc là 12.560 USD và của Việt Nam là 3.720 USD<sup>1</sup>. Tuổi thọ bình quân của các quốc gia này cũng lần lượt là Nhật Bản (85 tuổi), Hàn Quốc (83 tuổi), Đài Loan (80.9 tuổi), Trung Quốc (77 tuổi), và Việt Nam (75 tuổi)<sup>2</sup>. Câu hỏi đặt ra hiện nay là Việt Nam-một quốc gia Đông Nam Á, đang có xu hướng kết hôn như thế nào trong tương quan so sánh với xu hướng chung của một số quốc gia, vùng lãnh thổ mang một số đặc điểm văn hóa, xã hội tương đồng thuộc khu vực Đông Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc trong những năm qua, dưới những tác động của hiện đại hóa, văn hóa, di cư và gần đây nhất là dịch bệnh Covid-19?

## 2. Phương pháp và số liệu nghiên cứu

Bài viết này sử dụng kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ: “Phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài: Thực trạng và một số vấn đề xã hội đặt ra”, do tác giả là chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì, triển khai trong hai năm 2021-2022. Cụ thể, bài viết trước hết phân tích xu hướng kết hôn của Việt Nam từ các số liệu thống kê về dân số và hôn nhân của Tổng cục Thống kê<sup>3</sup>, và Bộ Tư pháp (Bộ Tư pháp, 2022) trong một thập niên trở lại đây nhằm nhận diện xu hướng biến đổi tình hình kết hôn nói chung của Việt Nam. Đồng thời, bài viết tính toán số lượng, tỷ lệ kết hôn của một số quốc gia, vùng lãnh thổ khu vực Đông Á dựa trên các thống kê về dân số, hôn nhân từ 2001-2021 của Bộ Nội vụ Đài Loan<sup>4</sup>, Tổng cục Thống kê Hàn Quốc<sup>5</sup>, Bộ Sức khỏe, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản<sup>6</sup>, Tổng cục Thống kê Nhật Bản<sup>7</sup>, và Tổng cục Thống kê Trung Quốc<sup>8</sup> nhằm phân tích sự biến đổi xu hướng kết hôn của các quốc gia, vùng lãnh thổ này, từ đó, chỉ ra những đặc thù của xu hướng kết hôn của Việt Nam và những khuyến nghị chính sách phù hợp. Do hạn chế của nguồn

<sup>1</sup> <https://www.imf.org/external/datamapper/NGDPPDPC@WEO/ADVEC/WEOWORLD/TWN/CHN>.

<sup>2</sup> <https://data.worldbank.org/country>.

<sup>3</sup> <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>.

<sup>4</sup> <https://ws.moi.gov.tw>.

<sup>5</sup> <http://kostat.go.kr/portal/eng>.

<sup>6</sup> <https://www.mhlw.go.jp/english>.

<sup>7</sup> <https://www.e-stat.go.jp/en>.

<sup>8</sup> <http://www.stats.gov.cn>.

số liệu có thể tiếp cận được, bài viết tập trung phân tích xu hướng kết hôn về số lượng và tỷ lệ kết hôn thô của các quốc gia và vùng lãnh thổ.

### 3. Xu hướng biến đổi số lượng kết hôn của Việt Nam và khu vực Đông Á

Biểu đồ 1 trình bày xu hướng biến đổi số lượng kết hôn của Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản từ 2001-2021<sup>9</sup>. Số liệu thống kê từ 2011 đến nay cho thấy, Việt Nam có số lượng kết hôn cao nhất so với Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc, mặc dù quy mô dân số đứng thứ hai sau Nhật Bản. Năm 2011, Việt Nam có 721.655 cuộc kết hôn, sau đó tăng lên mức cao nhất trong giai đoạn 10 năm là 832.991 cuộc năm 2013, tiếp đó giảm dần xuống còn 735.751 cuộc trong năm 2017, tăng nhẹ lên 788.506 cuộc năm 2018, sau đó lại giảm trong năm 2019. Đến 2020, số cuộc kết hôn giảm mạnh còn 636.826 và đến 2021 rơi xuống 504.245 cuộc kết hôn trong cả năm. Nhìn chung, Việt Nam duy trì số lượng kết hôn khá cao trong hầu hết các năm trong 10 năm trở lại đây, nhưng trong 4 năm trở lại đây giảm liên tiếp, trong đó hai năm 2020-2021 có số cuộc kết hôn thấp nhất.

Có quy mô dân số cao nhất trong các quốc gia, vùng lãnh thổ được phân tích, nhưng số lượng cuộc kết hôn mỗi năm của Nhật Bản thấp hơn khá nhiều so với Việt Nam, và có xu hướng giảm. Bắt đầu từ 2001, Nhật Bản có 799.999 cuộc kết hôn. Số lượng kết hôn giảm liên tục đến 2006 thì tăng nhẹ. Từ 2008 tới 2021, số cuộc kết hôn của Nhật Bản liên tục giảm. Đặc biệt, năm 2020, chỉ có 525.490 cặp kết hôn và đến 2021 chỉ còn 514.000 cuộc kết hôn, thấp nhất trong 6 thập niên trở lại đây. Nếu nhìn lại khoảng sáu thập niên trước đây, số cuộc kết hôn của Nhật Bản trong những năm đầu 1970 vượt trên 1 triệu cuộc mỗi năm, cao nhất là năm 1972 với 1.099.984 cuộc kết hôn. Vào cuối những năm 1980, bắt đầu từ 1988 đến những năm 1990, số cuộc kết hôn tăng nhẹ trở lại.

Trong gần hai mươi năm trở lại đây, mỗi năm, Đài Loan ghi nhận trung bình khoảng 142.824 cuộc kết hôn. Năm 2004, Đài Loan có 131.453 cuộc kết hôn. Trong các năm từ 2005-2014, số cuộc kết hôn của Đài Loan tăng giảm nhẹ tùy năm nhưng năm 2011 có số cuộc hôn nhân cao nhất là 165.327. Từ năm 2015, số cuộc kết hôn của Đài Loan giảm dần. Số cuộc hôn nhân vào năm 2020 là 112.702 - giảm 13.000, tương đương giảm 9,5% so với năm trước. Đến 2021, Đài Loan ghi nhận số cuộc kết hôn thấp nhất trong hai mươi năm trở lại đây, chỉ còn 114.606 cuộc.

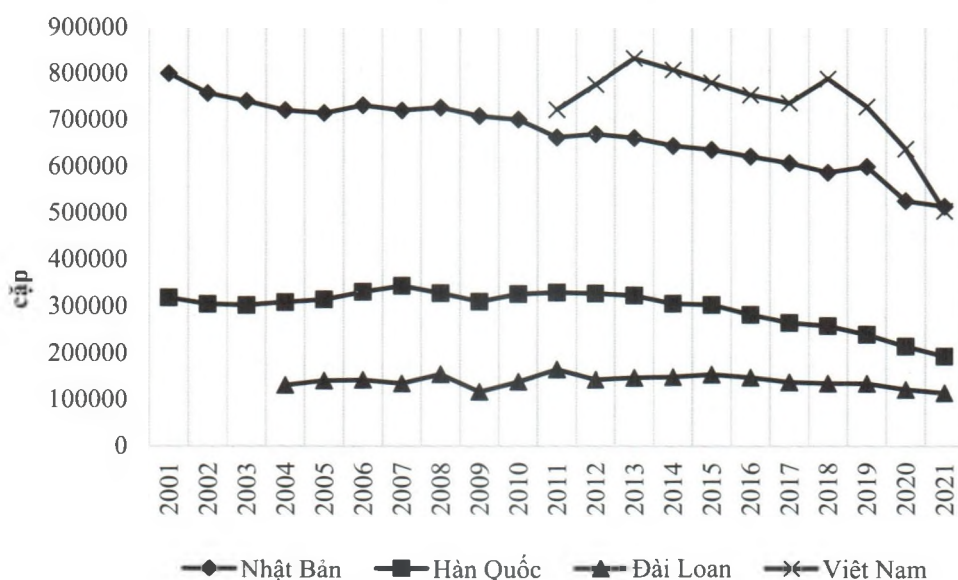
Số cuộc kết hôn của Hàn Quốc theo xu hướng năm sau ít hơn so với năm trước, đặc biệt là trong khoảng 10 năm trở lại đây. Cụ thể, năm 2001, Hàn Quốc có 318.407 cuộc kết hôn, đến 2007 tăng lên cao nhất 343.559 cuộc và sau đó

<sup>9</sup> Số liệu một số năm không có do đặc điểm các nguồn thống kê hiện có của từng quốc gia.

giảm khá mạnh trong hai năm 2008-2009 trước khi tăng trở lại năm 2010. Số cuộc kết hôn tăng lên 329.087 trong năm 2011 và sau đó giảm dần đều cho đến 2021. Đặc biệt, đến 2020, Hàn Quốc chỉ còn 214.000 cuộc kết hôn và đến 2021, số cuộc kết hôn tiếp tục giảm mạnh còn 193.000, thấp nhất trong 20 năm qua.

Số cuộc kết hôn của Trung Quốc những năm gần đây cũng cho thấy xu hướng giảm. Năm 2013, Trung Quốc có 14,5 triệu cuộc kết hôn. Đến năm 2019, giảm xuống còn 9,3 triệu cuộc kết hôn, sau đó giảm tiếp xuống 8,14 triệu cuộc năm 2020 và đến năm 2021 giảm tiếp xuống 7,63 triệu cuộc<sup>10</sup>.

**Biểu đồ 1. Xu hướng biến đổi số lượng các cuộc kết hôn của Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ Đông Á giai đoạn 2001-2021**



Nguồn: Trần Thị Minh Thi tính toán từ các thống kê quốc gia của Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Đài Loan.

#### 4. Xu hướng biến đổi tỷ lệ kết hôn thô của Việt Nam và khu vực Đông Á

Biểu đồ 2 cho thấy rõ hơn xu hướng biến đổi kết hôn của Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ qua việc tính toán tỷ lệ kết hôn thô<sup>11</sup>. So sánh với một số quốc gia, vùng lãnh thổ có văn hóa gần gũi với Việt Nam (bao gồm Nho giáo và văn hóa Á Đông) như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc đại lục và Đài Loan,

<sup>10</sup> Tác giả tổng hợp và tính toán từ <http://www.stats.gov.cn/tjsj/ndsj/2021/indexeh.htm> và China Statistical Yearbook 2019.

<sup>11</sup> Số cuộc kết hôn trên 1.000 người.



thì tỷ lệ kết hôn của Việt Nam đang cao hơn khá nhiều. Cách đây 10 năm, năm 2011, tỷ lệ kết hôn trên 1.000 dân số của Việt Nam là 8,21. Trong năm này, tỷ lệ kết hôn của Trung Quốc đại lục là 9,67, cao hơn khá nhiều so với Đài Loan (7,13) và các quốc gia châu Á khác như Hàn Quốc (6,6), Nhật Bản (5,18). Trong các năm từ 2011-2015, tỷ lệ kết hôn của Việt Nam duy trì từ 8,5 đến 9,28, cao hơn khá nhiều so với Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan nhưng thấp hơn một chút so với Trung Quốc đại lục. Từ 2016 đến 2017, tỷ lệ kết hôn của Việt Nam giảm nhẹ sau đó tăng lên 8,33 năm 2018. Từ 2019, tỷ lệ kết hôn của Việt Nam giảm mạnh và xuống còn 5,12 năm 2021.

Trung Quốc đại lục cho thấy xu hướng ưa thích kết hôn hơn so với nhiều quốc gia châu Á khác nhưng tỷ lệ kết hôn cũng giảm mạnh. Năm 2003, tỷ lệ kết hôn là 12,2. Vào những năm 2011-2015, tỷ lệ kết hôn của quốc gia này xấp xỉ 10,0, tỷ lệ tương đương với Nhật Bản vào những năm 1970. Từ 2016 đến nay, tỷ lệ kết hôn của Trung quốc giảm mạnh từng năm và chỉ còn 5,35 trong năm 2021. Tỷ lệ kết hôn gần đây cho thấy cả Trung Quốc và Việt Nam đều bảo lưu các giá trị hôn nhân truyền thống, ưa thích kết hôn. Việt Nam duy trì xu hướng kết hôn cao, ổn định và chỉ giảm trong 4 năm trở lại đây, kể từ 2018, trong khi Trung Quốc giảm mạnh từ 2013.

Ở Đài Loan, tỷ lệ kết hôn có những biến động tăng giảm trong những năm 2000 ở mức từ 5,07 đến 6,73. Năm 2011, tỷ lệ kết hôn của Đài Loan đạt mức cao nhất, 7,13, sau đó giảm còn 6,16 năm 2012, và tăng đều đến 6,58 năm 2015 trước khi giảm liên tục cho đến hiện nay. Tỷ lệ kết hôn năm 2021 của Đài Loan chỉ là 4,8, mức thấp nhất trong hai mươi năm qua.

Các quốc gia châu Á khác cũng cho thấy xu hướng giảm tỷ lệ kết hôn. Ở Hàn quốc, xu hướng giảm tỷ lệ kết hôn của Hàn Quốc là phổ biến từ 2001 đến 2021. Tỷ lệ kết hôn năm 2001 là 6,7 người kết hôn trên 1000 người và tăng lên cao nhất là 7,0 năm 2007. Sau đó, từ 2011, tỷ lệ kết hôn của Hàn Quốc liên tục giảm và chỉ còn 3,8 năm 2021. Người dân Hàn Quốc cho thấy xu hướng gia tăng độc thân và kết hôn muộn và giảm ưa thích kết hôn.

Ở Nhật Bản, tỷ lệ kết hôn thậm chí còn thấp hơn nữa. Tỷ lệ kết hôn giai đoạn đầu những năm 1970 đạt đỉnh trên 10,0 (Biểu đồ 2), kết quả từ thế hệ bùng nổ dân số sau chiến tranh thế giới thứ hai bước vào tuổi kết hôn. Bắt đầu từ cuối những năm 1970, dân số Nhật Bản vẫn tiếp tục tăng, nhưng số cuộc kết hôn liên tục giảm, nên tỷ lệ kết hôn giảm dần từ 1970 đến 1990. Từ 1990 đến 2002, tỷ lệ kết hôn tăng nhẹ trở lại quanh mức 6,0 đến 6,4. Năm 2001, chỉ có 6,35 người kết hôn trên 1.000 dân số. Tỷ lệ này liên tục giảm đến 2005 còn 5,66 sau đó tăng nhẹ trong năm 2006 lên mức 5,79. Từ năm này đến hết năm 2011, tỷ lệ kết hôn

của Nhật Bản liên tục giảm và đến 2011 chỉ còn 5,18, tương đương với Việt Nam sau đó 10 năm (5,12). Tỷ lệ kết hôn của Nhật Bản vẫn tiếp tục giảm trong 10 năm gần đây, trừ ngoại lệ tăng nhẹ số lượng kết hôn năm 2019, năm đầu tiên của kỷ nguyên Reiwa, triều đại của Hoàng đế Naruhito. Đến năm 2021 tỷ lệ kết hôn chỉ còn 4,12, thấp nhất trong 6 thập niên gần đây.

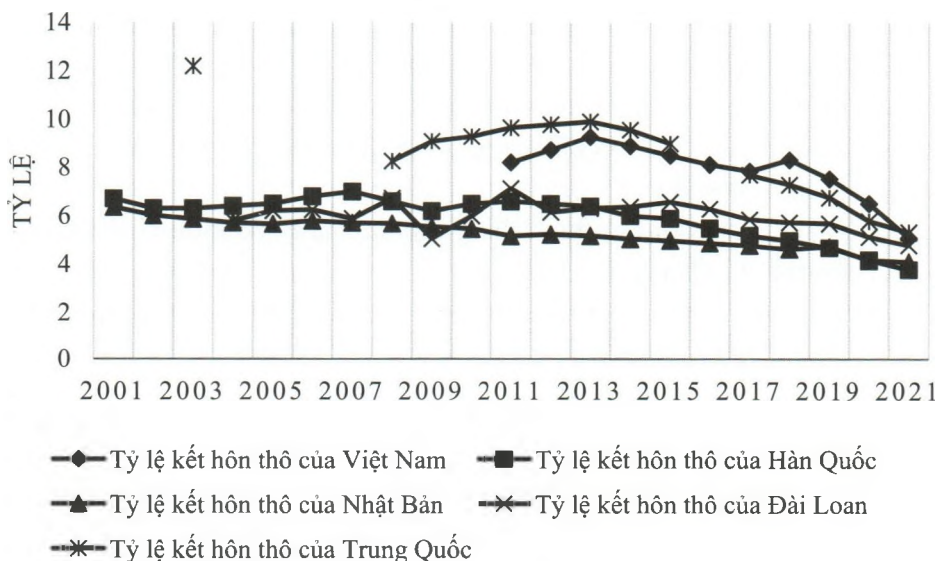
Năm 2021, tỷ lệ kết hôn rơi xuống mức thấp nhất, cả về số lượng và tỷ lệ, so với tất cả các năm trước đó. Mặc dù Trung Quốc vẫn duy trì mức kết hôn phổ biến nhất, nhưng tỷ lệ cũng xuống thấp nhất trong tất cả các năm có thống kê từ khoảng những năm 1950. Tình hình tương tự diễn ra với Việt Nam khi tỷ lệ kết hôn xuống thấp nhất trong hàng chục năm qua trong bối cảnh tuổi kết hôn trung bình lần đầu của Việt Nam đang tăng lên, từ 24,1 tuổi năm 1999 lên 25,7 tuổi năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2022). Tỷ lệ kết hôn của Hàn Quốc thậm chí còn đáng báo động hơn nữa, chỉ có 3,8 người kết hôn trên 1000 dân số trong năm 2021, thấp nhất kể từ khi có số liệu thống kê quốc gia từ những năm 1970. Với Nhật Bản, tỷ lệ kết hôn cũng là thấp nhất kể từ những năm thống kê 1960.

Với một số quốc gia đã diễn ra tình trạng giảm tỷ lệ kết hôn trong vài thập niên qua, như nhiều quốc gia châu Âu, châu Mỹ, và một số quốc gia có trình độ phát triển cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, có một số lí do giải thích cho hiện tượng này. Các cá nhân, nhất là phụ nữ, ưa thích độc lập tự chủ về kinh tế, đặt những mục tiêu về kinh tế, vật chất để có cuộc sống cá nhân thoải mái chứ không sẵn sàng bước vào hôn nhân với những ràng buộc kinh tế, trách nhiệm. Bất bình đẳng giới ở những quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh của Nho giáo đặt ra những gánh nặng trách nhiệm nội trợ, chăm sóc con cái chủ yếu lên phụ nữ, ngay cả khi họ thực sự thành đạt về kinh tế và có vị trí xã hội cao, khiến nhiều phụ nữ có học vấn cao, có nghề nghiệp tốt, không sẵn sàng chấp nhận hôn nhân, hoặc khó khăn trong tìm kiếm bạn đời có trình độ, vị thế bằng hoặc cao hơn mình. Với nam giới, do mức độ cạnh tranh nghề nghiệp lớn khi phụ nữ tham gia thị trường lao động, nam giới chịu áp lực lớn trong việc đảm bảo điều kiện kinh tế, vật chất đầy đủ cho bạn đời khi kết hôn. Xu hướng trì hoãn kết hôn do áp lực về kinh tế liên quan đến giá cả nhà ở đắt đỏ, chi phí sinh và nuôi con cao, và cả thị trường việc làm khó khăn cho nhiều người trẻ. Vì thế, cả Nhật Bản và Hàn Quốc đều cho thấy tuổi kết hôn lần đầu khá cao. Ở Hàn Quốc, tuổi kết hôn trung bình lần đầu là 33,4 tuổi với nam và 31,1 tuổi với nữ trong năm 2021. Tỷ lệ kết hôn của Nhật Bản ngày càng thấp, trong bối cảnh tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nam giới cũng tăng lên, từ 28,8 tuổi năm 2000 lên 31 tuổi năm 2020 và của nữ giới tăng từ 27 tuổi năm 2000 lên 29,4 tuổi năm 2020. Tỷ lệ những người chưa từng kết hôn khi đã 50 tuổi cũng khá cao, 23,4% cho nam giới và 14,1% cho nữ giới,

số liệu năm 2015. Tỷ lệ kết hôn giảm, tuổi kết hôn tăng, xu hướng lựa chọn cuộc sống độc thân tăng gây nên nhiều hệ quả xã hội khác, như tỷ lệ sinh giảm mạnh.

Xu hướng này diễn ra cũng rõ nét hơn ngay cả với Trung Quốc, đất nước trong khoảng hai thập niên trước đây ưa thích con cái, sẵn sàng kết hôn và thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ truyền thống trong hôn nhân, gia đình. Mất cân bằng giới tính khi sinh, do có số lượng bé gái sinh ra nhưng không đăng ký khai sinh, lựa chọn giới tính khi thai nhi, hay giết trẻ sơ sinh gái (Ruoyu Chen and Lingxiang Zhang, 2019) khiến cho số lượng nam giới nhiều hơn nữ giới. Ví dụ, số nam giới từ 0-59 tuổi nhiều hơn khoảng 33,3 triệu người so với nữ giới trong năm 2019<sup>12</sup>, vì thế, thị trường kết hôn thiếu hụt số lượng lớn phụ nữ cho nam giới kết hôn. Trong khi đó, phụ nữ thường ưa thích kết hôn với nam giới có vị thế, điều kiện cao hơn họ. Và vì thế, những phụ nữ có vị thế tốt, điều kiện kinh tế khá giả, cơ hội tìm kiếm nam giới bằng hoặc hơn họ, là khó khăn hơn. Tuổi kết hôn trung bình lần đầu của phụ nữ Trung quốc đang cao dần, từ 23,6 tuổi năm 2006 lên 26,3 tuổi năm 2021. Tuy nhiên, Trung Quốc cho thấy kết hôn vẫn còn khá phổ biến, tương tự là Đài Loan.

**Biểu đồ 2. Tỷ lệ kết hôn thô của Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ Đông Á, 2001-2021**



Nguồn: Trần Thị Minh Thi tính toán từ các thống kê quốc gia của Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan.

<sup>12</sup> Tác giả tính toán từ China Statistical Yearbook 2019. <http://www.stats.gov.cn/tjsj/ndsj/2019/indexeh.htm>.

## 5. Kết luận và bàn luận

Trong bốn quốc gia và vùng lãnh thổ khu vực Đông Á được phân tích, vốn chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo coi trọng hôn nhân, gia đình, xây dựng đời sống cá nhân xung quanh gia đình, họ hàng, thì Nhật Bản là quốc gia có tỷ lệ kết hôn thấp nhất, sau đó là Hàn Quốc, Đài Loan và kết hôn cao nhất là ở Trung Quốc. Trung Quốc cho thấy kết hôn vẫn còn khá phổ biến, tương tự là Đài Loan. Trong một số năm trước, tỷ lệ kết hôn của Trung Quốc cao hơn Việt Nam, nhưng từ 2017 trở lại đây, Việt Nam đang cho thấy tỷ lệ kết hôn thô cao nhất so với Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản. Như vậy, hôn nhân, gia đình tiếp tục là giá trị được bảo lưu mạnh mẽ ở Việt Nam.

Biến đổi xu hướng kết hôn của Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ khu vực Đông Á trong hai mươi năm qua cho thấy, các quốc gia, vùng lãnh thổ có trình độ phát triển kinh tế, xã hội sớm hơn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan ghi nhận tình trạng suy giảm liên tục số lượng và tỷ lệ kết hôn từ khá sớm. Nhật Bản bắt đầu giảm liên tục từ 2006 (trừ hai ngoại lệ 2012 và 2019), Hàn Quốc giảm liên tục từ 2011, Đài Loan giảm liên tục từ 2015, Trung Quốc giảm liên tục từ 2013, và Việt Nam giảm liên tục từ 2018.

Điều khác biệt giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ này là trình độ phát triển kinh tế, xã hội, đi cùng với hiện đại hóa, sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân. Nhật Bản và Hàn Quốc có trình độ phát triển kinh tế, xã hội sớm hơn, và có sự suy giảm nhanh hơn, mạnh hơn của tỷ lệ kết hôn. Việt Nam mang đặc điểm khuôn mẫu hôn nhân gia đình của cả khu vực Đông Á với ảnh hưởng của Nho giáo mạnh hơn ở phía Bắc, và của khu vực Đông Nam Á với ảnh hưởng của tập quán hôn nhân tự do, cởi mở, bình đẳng ở phía Nam. Về kinh tế, Việt Nam là quốc gia có trình độ phát triển kinh tế, xã hội muộn hơn và cho thấy hiện tượng suy giảm số lượng và tỷ lệ kết hôn muộn hơn. Điều này cho thấy trình độ phát triển kinh tế, xã hội có tác động lớn đến xu hướng kết hôn.

Bất bình đẳng giới trong môi trường gia đình và làm việc khiến nhiều phụ nữ phải cân nhắc khi kết hôn. Do có trình độ học vấn ngày càng cao, độc lập tài chính, những phụ nữ trẻ cho thấy vị thế kinh tế của bản thân đã thay đổi trong khi các định kiến giới thì thay đổi chậm hơn. Bên cạnh đó, các quốc gia, vùng lãnh thổ đều ghi nhận số lượng các cuộc kết hôn thấp nhất trong năm 2020 và 2021. Đây cũng là hai năm thế giới chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19. Đại dịch Covid-19 cho thấy có thể tác động lớn đến xu hướng kết hôn của tất cả các quốc gia nhưng cần quan sát thêm một số năm tiếp theo để có thể đánh giá đầy đủ hơn việc giảm mạnh tỷ lệ kết hôn là do tác động ngắn hạn của Covid-19, khi nhiều quốc gia phải cách ly xã hội, đóng cửa nhiều dịch



vụ công, làm gián đoạn việc kết hôn của các cá nhân, hay đây là xu hướng mang tính dài hạn.

### Tài liệu trích dẫn

- Bộ Tư pháp. 2022. Kết quả đăng ký kết hôn trong nước và kết hôn có yếu tố nước ngoài giai đoạn 2011-2021, kèm theo Công văn số 686/HTQTCT-HT ngày 19/8/2022 của Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Bộ Tư pháp.
- Directorate-General of Budget, Accounting and Statistics Executive Yuan, Republic of China. 2021. *Statistical Yearbook of the Republic of China 2020*.
- Jones, Gavin W. 2010. “Changing Marriage Patterns in Asia”. *Asia Research Institute Working Paper Series No. 131*.
- Jones, Gavin W. and Yeung, Wei-Jun Jean. 2014. “Marriage in Asia”. *Journal of Family Issues*, 35(12): pp.1567-1583.
- Ministry of Health Labour and Welfare, Japan. 2021. *Statistics of Japan, Vital Statistics*. <https://www.mhlw.go.jp/english/database/db-hw/vs01.html> và <https://www.e-stat.go.jp/en/stat->
- Ministry of Health, Labor and Welfare, Japan. 2022. <https://www.mhlw.go.jp/english/database/db-hw/vs01.html>.
- Ministry of Health, Labour, and Welfare. 2022. *Vital Statistics of Japan -The latest trends*. <https://www.mhlw.go.jp/english/database/db-hw/vs01.html>.
- Ministry of the Interior Republic of China (Taiwan). 2019. Outline. <https://www.moi.gov.tw/english/cl.aspx?n=7770>.
- Ministry of the Interior, Đài Loan. 2022. *Ebook 2018* <https://ws.moi.gov.tw/Download.ashx?u=LzAwMS9VcGxvYWQvT2xkRmlsZS9zaXRlX25vZGVfZmlsZS85MjAxLzEwN%2bW5tOWFp%2baUv%2be1sei0iOW5tOWgsembu%2bWtkOabuC5wZGY%3d&n=MTA35bm05YWn5pS%2f57Wx6Ki15bm05aCx6Zu75a2Q5pu4LnBkZg%3d%3d&icon=..pdf>.
- Ruoyu Chen and Lingxiang Zhang. 2019. “Imbalance in China’s Sex Ratio at Birth: A Review”. *Journal of Economic Surveys*. Vol. 33, No. 3, pp.1050-1069.
- Statistics Bureau of Japan, Ministry of Internal Affairs and Communication. *Japan Statistical Yearbook*. 2022. <https://www.stat.go.jp/english/data/nenkan/71nenkan/index.html>.
- Statistics Bureau, Ministry of Internal Affairs and Communications, Japan. 2022. *Statistical Handbook of Japan 2009-2021*.
- Statistics Bureau, Ministry of Internal Affairs and Communications, Japan. 2021. *Statistical Handbook of Japan 2009-2021*. <https://www.stat.go.jp/english/data/nenkan/71nenkan/index.html>.

Statistics Korea. 2021. *Marriage and Divorce Statistics in 2019*. <http://kostat.go.kr/portal/eng/pressReleases/1/index.board?bmode=read&aSeq=382800>.

Statistics Korea. 2022. *Marriage and Divorce Statistics in 2021*. <http://kostat.go.kr/portal/eng/pressReleases/1/index.board?bmode=read&aSeq=382800>.

Statistics of Japan. 2022. *Vital Statistics. Yearly Marriages*. [https://www.e-stat.go.jp/en/stat-search/files?page=1&layout=datalist&toukei=00450011&tstat=000001028897&cycle=7&year=20200&month=0&tclass1=000001053058&tclass2=000001053061&tclass3=000001053069&stat\\_infid=000032118585&result\\_back=1&cycle\\_facet=tclass1%3Atclass2&tclass4val=0](https://www.e-stat.go.jp/en/stat-search/files?page=1&layout=datalist&toukei=00450011&tstat=000001028897&cycle=7&year=20200&month=0&tclass1=000001053058&tclass2=000001053061&tclass3=000001053069&stat_infid=000032118585&result_back=1&cycle_facet=tclass1%3Atclass2&tclass4val=0).

Tổng cục Thống kê. 2022. *Niên giám thống kê 2021*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, Việt Nam.